

Số: 304/2024/QĐST- DS

Quận 8, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 144/2024/TLST-DS ngày 25/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và văn bản ý kiến đồng ý đối với biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hiếu N, sinh năm 1986 (Theo Giấy ủy quyền số 466/2024/UQ-TT.XLN ngày 21/6/2024);

- Bị đơn: Ông Luyện Thành N1, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: Số C đường G Hồ N, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú hiện nay: **Lô B Chung cư D, Số D L, Phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông **Luyện Thành N1** còn nợ **Ngân hàng TMCP S** tính đến ngày 15/8/2024 với tổng số tiền là 205.089.575 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu, không trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S** ngày 11/6/2017, trong đó: Nợ gốc là 141.031.889 đồng, nợ lãi quá hạn là 64.057.686 đồng.

Ông **Luyện Thành N1** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** theo các đợt như sau:

- Đợt 1: Số tiền 20.000.000 đồng được thanh toán vào ngày 20/9/2024;
- Đợt 2: Số tiền 20.000.000 đồng được thanh toán vào ngày 20/10/2024;
- Đợt 3: Số tiền 20.000.000 đồng được thanh toán vào ngày 20/11/2024;
- Đợt 4: Số tiền 20.000.000 đồng được thanh toán vào ngày 20/12/2024;
- Đợt 5: Số tiền 20.000.000 đồng được thanh toán vào ngày 20/01/2025;
- Đợt 6: Số tiền còn lại bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi được thanh toán vào ngày 20/02/2025 là dứt điểm.

Kể từ ngày 16/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông **Luyện Thành N1** còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận tại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng TMCP S** ngày 11/6/2017 mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp đến hạn thanh toán của bất kỳ đợt nào mà ông **Luyện Thành N1** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì **Ngân hàng TMCP S** được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành ngay số tiền của đợt thanh toán còn lại cho **Ngân hàng TMCP S**.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí dân sự hòa giải thành: Ông **Luyện Thành N1** phải chịu án phí là 5.125.000 đồng (*Năm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). H lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền tạm ứng án phí là 3.950.223 đồng (*Ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0021904 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./ .

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- CC THADS Quận 8;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP./.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Hiền